

GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH TRONG HOẠCH ĐỊNH VÀ THỰC THI ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM

ThS. TRỊNH THỊ THỦY^(*)

Tóm tắt: Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh là những tư tưởng độc lập, tự do và quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong hoạt động ngoại giao, mở rộng hợp tác với các dân tộc khác trong cộng đồng quốc tế, ngoại giao với nhân dân các nước (ngoại giao nhân dân). Tư tưởng này là cơ sở cho việc hoạch định và thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại của Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: đường lối đối ngoại; ngoại giao Hồ Chí Minh; Việt Nam

Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà ngoại giao kiệt xuất của nước ta. Người từng giữ cương vị Bộ trưởng Bộ Ngoại giao đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tư tưởng của Người về ngoại giao là một bộ phận hợp thành tư tưởng Hồ Chí Minh về đường lối cách mạng Việt Nam. Mặc dù, hiện nay, bối cảnh khu vực và thế giới có nhiều biến đổi sâu sắc, nhưng tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh vẫn còn nguyên giá trị và là nền tảng quan trọng cho việc hoạch định đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

Hồ Chí Minh quan niệm, ngoại giao là một mặt trận. Theo Người: “Dùng binh giỏi nhất, là đánh bằng mưu. Thứ hai là đánh bằng ngoại giao. Thứ ba mới là đánh bằng binh”⁽¹⁾, theo đó “ngoại giao ai thuận lợi hơn, thì thắng”⁽²⁾, nhất là “sau vấn đề phòng thủ, ngoại giao là một vấn đề cần yếu cho một nước độc lập”⁽³⁾. Ngoài ra, Người cũng nhấn mạnh: “Thực lực là cái chiêng

mà ngoại giao là cái tiếng. Chiêng có to tiếng mới lớn”⁽⁴⁾. Với quan điểm đó, trong hoạt động thực tiễn Hồ Chí Minh đã thể hiện rõ tư tưởng ngoại giao với những giá trị vô cùng quý báu cho nền ngoại giao Việt Nam. Đó là:

Thứ nhất, tư tưởng độc lập, tự do và quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong hoạt động ngoại giao

Tư tưởng này được thể hiện trong toàn bộ quá trình hoạt động chính trị và ngoại giao của Hồ Chí Minh. Với khát vọng: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”⁽⁵⁾, Nguyễn Ái Quốc đã bôn ba khắp bốn biển, năm châu để tìm đường cứu nước, giành độc lập, tự do cho dân tộc Việt Nam. Người đã sáng lập và cùng Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức, lãnh đạo nhân dân làm nên thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Ngày 02/9/1945, Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn độc lập*, trình trọng tuyên bố trước toàn

^(*) Trường Đại học Quốc tế Bắc Hà

thể đồng bào cả nước và thế giới: "... Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy"⁽⁶⁾, khẳng định về lý luận và thực tế quyền con người, quyền tự do, bình đẳng dân tộc của nhân dân Việt Nam phù hợp với đạo lý, pháp lý quốc tế. Tư tưởng về quyền con người, quyền tự do, bình đẳng dân tộc được Hồ Chí Minh đề cập trong *Tuyên ngôn độc lập* vừa mang tính pháp lý, vừa có giá trị lịch sử và hiện thực. Viện dẫn giá trị nhân quyền trong hai bản *Tuyên ngôn độc lập* năm 1776 của nước Mỹ và *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* năm 1789 của nước Pháp: "Tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc"... "Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi"⁽⁷⁾, Hồ Chí Minh đã khẳng định một chân lý mới mang ý nghĩa thời đại: "Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do"⁽⁸⁾. Vì vậy, "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập"⁽⁹⁾.

Hơn 75 năm qua, quyền con người, quyền tự do, bình đẳng dân tộc ở Việt Nam luôn được Đảng và Nhà nước chú trọng, thể hiện rõ trong hoạch định và thực hiện chính sách đối ngoại. Tư tưởng bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa luôn gắn bó chặt chẽ, mật thiết với nhau; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước, cả hệ thống chính trị và toàn dân, trong đó quân đội nhân dân, công an nhân dân là lực lượng nòng cốt được ghi nhận, khẳng định sức sống và giá trị nguyên vẹn của nguyên tắc ngoại giao Hồ Chí Minh. Từ đó, Đảng cũng đã chỉ ra

các nguyên tắc khi mở rộng quan hệ đối ngoại là: "Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế"⁽¹⁰⁾.

Theo đó, ngoại giao Việt Nam cần phát huy tốt vai trò là một mặt trận tiên phong nhằm củng cố vững chắc môi trường quốc tế thuận lợi và thu hút các nguồn lực phục vụ phát triển và nâng cao vị thế đất nước, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, từ lúc nước chưa nguy. Các binh chủng của đối ngoại Việt Nam, gồm ngoại giao nhà nước, đối ngoại đảng và đối ngoại nhân dân cần đồng tâm hiệp lực để tận dụng được những cơ hội mới và xử lý hiệu quả những thách thức phức tạp đang đặt ra. Chúng ta cần vận dụng tốt nguyên tắc "đi bất biến, ứng vạn biến", cần kiên định mục tiêu bất biến là lợi ích tối thượng của quốc gia - dân tộc với nội hàm là hòa bình, độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, nâng cao sức mạnh và vị thế của quốc gia; đồng thời, linh hoạt, khéo léo trong sách lược, hành động để xử lý cái vạn biến của tình hình. Trước những phức tạp ở biển Đông, chúng ta kiên trì sử dụng các biện pháp hòa bình để giải quyết tranh chấp, đồng thời kiên quyết chiến đấu đến cùng để bảo vệ những quyền thiêng liêng nhất: "Toàn vẹn lãnh thổ cho Tổ quốc và độc lập cho đất nước"⁽¹¹⁾, như lời Hồ Chủ tịch căn dặn.

Chính những bước đi đúng đắn của Đảng trên cơ sở kế thừa quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, mà Việt Nam đã đạt được những thành tựu hết sức quan trọng. Việt Nam đã tăng cường hợp tác và đối thoại chiến lược với nhiều đối tác; nâng cấp quan hệ song phương với một số quốc gia thành đối tác chiến lược và đối tác hợp tác toàn diện; đưa quan hệ hợp tác với các đối tác đi vào chiều sâu, thực chất và hiệu quả. Chủ động tham gia tích cực, có trách nhiệm trong các tổ chức, diễn đàn, khu vực và quốc tế, nhất là Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN), Liên hợp quốc (UN). Kiên trì cùng ASEAN thúc đẩy thực hiện đầy đủ *Tuyên bố về ứng xử của các bên trên biển Đông* (DOC) và xây dựng *Bộ quy tắc ứng xử trên biển Đông* (COC). Tích cực triển khai các hiệp định, thỏa thuận thương mại đã có và đàm

phán, tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới để mở rộng, đa dạng hóa thị trường, thúc đẩy phát triển và nâng cao tính tự chủ của nền kinh tế, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Tại Đại hội lần thứ XIII, Đảng ta đã khẳng định thành tựu của việc thực hiện chính sách đối ngoại và hội nhập quốc tế của Việt Nam: “Quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế tiếp tục mở rộng và đi vào chiều sâu, tạo khung khổ quan hệ ôn định và bền vững với các đối tác. Chủ động tham gia xây dựng các nguyên tắc, chuẩn mực trong các thể chế đa phương khu vực và toàn cầu; xử lý đúng đắn, hiệu quả quan hệ với các nước láng giềng, các nước lớn, các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện và các đối tác khác. Đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước, đối ngoại nhân dân được triển khai đồng bộ và toàn diện. Tiếp tục hoàn thiện và thực thi có hiệu quả cơ chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại; tăng cường công tác bảo hộ công dân và công tác người Việt Nam ở nước ngoài. Hội nhập quốc tế tiếp tục được triển khai chủ động, tích cực, tạo không gian quan hệ rộng mở, tranh thủ được sự hợp tác, giúp đỡ của cộng đồng quốc tế. Vị thế, uy tín, vai trò của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới ngày càng được nâng cao”⁽¹²⁾.

Thứ hai, tư tưởng mở rộng hợp tác với các dân tộc khác trong cộng đồng quốc tế

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm đặt vấn đề mở rộng quan hệ của Việt Nam với các nước theo hướng đa phương. Người cho rằng, việc xác định và thiết lập mối quan hệ hòa bình, hữu nghị, hợp tác với nhân dân lao động các nước trên thế giới có ý nghĩa quan trọng đối với cách mạng Việt Nam.

Từ năm 1924, Nguyễn Ái Quốc đã chỉ rõ nguyên nhân sự suy yếu của các dân tộc phương Đông trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, thực dân chính là do thiếu sự đoàn kết quốc tế: “Nguyên nhân đầu tiên đã gây ra sự suy yếu của các dân tộc phương Đông, đó là sự biệt lập. Không giống như các dân tộc phương Tây, các dân tộc phương Đông không có những quan hệ và tiếp xúc giữa các lục địa với nhau. Họ hoàn toàn không biết đến những việc xảy ra ở các nước

láng giềng gần gũi nhất của họ, do đó họ thiếu sự tin cậy lẫn nhau, sự phối hợp hành động và sự cố vũ lẫn nhau”⁽¹³⁾. Vì vậy, theo Hồ Chí Minh, các dân tộc thuộc địa phải thiết lập và có khả năng thiết lập để tiêu diệt kẻ đang nô dịch họ, chính là quan hệ với các dân tộc thuộc địa cùng khổ khác: “Các dân tộc ở đó không bao giờ có thể ngẩng đầu lên được nếu không gắn bó với giai cấp vô sản thế giới”⁽¹⁴⁾. Bên cạnh đó, cách mạng Việt Nam, cũng như phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa khác, cần quan hệ chặt chẽ với cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản: “vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa”⁽¹⁵⁾.

Cách mạng Tháng Tám thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quan tâm đến việc hợp tác, mở rộng quan hệ quốc tế với các nước trên thế giới. Người không bao giờ nhầm lẫn giữa những giá trị văn minh của nhân loại với những biểu hiện tha hóa, xấu xa của chủ nghĩa dân tộc ích kỷ. Người cho rằng, mọi thành tựu khoa học - kỹ thuật được tạo ra đều là tài sản chung của toàn nhân loại. Nếu như chủ nghĩa tư bản đã tận dụng những thành tựu này để phục vụ cho sự tồn tại của mình thông qua quá trình toàn cầu hóa, thì những thành tựu này không có nghĩa là của riêng chủ nghĩa tư bản. Chủ nghĩa xã hội muốn xây dựng thành công, trước hết, phải biết kế thừa và phát triển những thành tựu khoa học - kỹ thuật, văn hóa của nhân loại. Vì vậy, Hồ Chí Minh đã khẳng định: Chính sách đối ngoại của Việt Nam là “làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai”⁽¹⁶⁾; “Trong quan hệ đối với các nước khác, chính sách của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là rõ ràng và trong sáng: Đó là một chính sách hòa bình và quan hệ tốt”⁽¹⁷⁾.

Văn kiện Đại hội lần thứ X, XI, XII, XIII của Đảng đều khẳng định, đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam là: độc lập tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc

tế trên các lĩnh vực khác. Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế⁽¹⁸⁾, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực.

Trong những năm qua, Việt Nam ngày càng chủ động, tích cực trong việc đàm phán và ký kết các Hiệp định Thương mại tự do (FTA), hội nhập sâu và toàn diện hơn vào nền kinh tế khu vực và thế giới. Đặc biệt, đối với Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC), Việt Nam đã tích cực triển khai các biện pháp ưu tiên nhằm thực hiện *Kế hoạch tổng thể xây dựng AEC*. Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia thành viên có tỷ lệ thực hiện cao nhất các biện pháp trong *Lộ trình AEC*. Tháng 10/2015, Việt Nam đã cùng các nước thành viên kết thúc đàm phán Hiệp định Đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP). Việt Nam cũng tiếp tục đàm phán Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) nhằm đạt được một thỏa thuận kinh tế toàn diện, phù hợp với điều kiện của Việt Nam và các nước ASEAN. Gần đây nhất, Việt Nam đã ký Hiệp định Thương mại tự do (EVFTA) với Liên minh châu Âu (EU) vào năm 2020.

Ở cấp độ toàn cầu, tại Hội nghị Bộ trưởng Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) tháng 12/2013, Việt Nam đã cùng với các thành viên WTO thông qua *Gói cam kết thương mại Bali*, khai thông bế tắc theo đàm phán trong khuôn khổ WTO đã kéo dài nhiều năm. Việt Nam đã đóng góp nhiều sáng kiến quan trọng tại các diễn đàn đa phương có tầm ảnh hưởng lớn như: ASEAN, Liên hợp quốc, APEC, ASEM, hợp tác tiểu vùng Mekong,... Vị thế của Việt Nam cũng được nâng lên đáng kể với việc Việt Nam đăng cai thành công Đại hội đồng Liên minh nghị viện thế giới (IPU) lần thứ 132, đóng góp tích cực cho Liên hợp quốc trong xây dựng và thông qua *Chương trình nghị sự 2030* về phát triển bền vững, được các nước tin cậy bầu vào Hội đồng nhân quyền Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2014 - 2016, Ủy ban Kinh tế - Xã hội Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2016 - 2018, Ủy ban Di sản thế giới (UNESCO)

nhiệm kỳ 2013 - 2017, Ủy viên không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020 - 2021, tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc (PKO).

Qua 35 năm thực hiện đường lối đổi mới, với những thành tựu đã đạt được trong việc mở rộng hợp tác với các dân tộc trong cộng đồng quốc tế (thiết lập quan hệ ngoại giao với 189 trong 193 quốc gia thành viên Liên hợp quốc)⁽¹⁹⁾; thiết lập khuôn khổ quan hệ ổn định, lâu dài với 30 đối tác chiến lược và toàn diện, trong đó có tất cả các nước lớn; có 17 đối tác chiến lược, 13 đối tác toàn diện⁽²⁰⁾, tạo nền tảng vững chắc để Việt Nam cùng các nước nâng tầm hợp tác vì lợi ích của mỗi nước và vì hòa bình, hợp tác, phát triển trong khu vực và trên thế giới.

Đảng cũng nhận định rõ ràng hơn trong *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025*: Các hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân đạt được nhiều kết quả quan trọng. Hội nhập quốc tế và ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển có những bước tiến quan trọng về chủ trương, chính sách cũng như triển khai trên thực tiễn cùng với quốc phòng và an ninh đã củng cố môi trường hòa bình, ổn định, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nâng cao vị thế, vai trò của Việt Nam trên trường quốc tế. Kiên quyết, kiên trì bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ, lợi ích quốc gia - dân tộc trên biển, trên không và trên bộ; hợp tác quốc tế về biển, đảo được tăng cường, duy trì môi trường hòa bình, ổn định, thúc đẩy quan hệ với các nước. Quản lý tốt đường biên giới theo các văn kiện được ký kết. Thúc đẩy các cơ chế đàm phán và trao đổi với các nước láng giềng về biên giới lãnh thổ, cơ bản hoàn thành việc phân định biên giới với các nước láng giềng. Kịp thời đấu tranh với những hành động vi phạm chủ quyền lãnh thổ và lợi ích quốc gia trong lĩnh vực dầu khí, nghề cá, bảo hộ ngư dân. Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền để ngư dân Việt Nam không xâm phạm vùng biển nước ngoài.

Mạng lưới các mối quan hệ đối tác chiến lược và đối tác toàn diện tiếp tục được củng cố

và mở rộng; quan hệ với các nước từng bước đi vào chiều sâu, đan xen lợi ích được tăng cường; thúc đẩy ký kết và thực hiện nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, trong đó có Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP). Các hoạt động ngoại giao văn hóa, thông tin đối ngoại, công tác người Việt Nam ở nước ngoài và công tác bảo hộ công dân được triển khai tích cực trong điều kiện tăng cường hội nhập quốc tế, nhất là trong thời gian dịch bệnh COVID-19⁽²¹⁾. Tích cực phát huy vai trò của Việt Nam tại Liên hợp quốc, APEC, ASEAN và các diễn đàn, cơ chế liên quan, như được bầu là Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020 - 2021 với số phiếu gần như tuyệt đối⁽²²⁾.

Với chủ trương hợp tác nhiều mặt với bạn bè quốc tế, Việt Nam đã tạo ra sự tin cậy, gắn bó chặt chẽ, tranh thủ được mọi nguồn lực để phát triển đất nước, đồng thời tranh thủ được sự ủng hộ, hỗ trợ của bạn bè quốc tế trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của đất nước. . .

Thứ ba, tư tưởng ngoại giao với nhân dân các nước (ngoại giao nhân dân)

Ngoại giao nhân dân được Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm từ rất sớm và mang dấu ấn riêng của Người. Hồ Chí Minh xem nhân dân là lực lượng quan trọng của mặt trận đối ngoại. Theo Hồ Chí Minh, ngoại giao không chỉ là việc riêng của “các đại sứ quán, tổng lãnh sự quán là những cơ quan chuyên môn phụ trách, mà còn là các tổ chức khác như ngoại thương, văn hóa, thanh niên, phụ nữ, công đoàn cũng đều làm ngoại giao cả”⁽²³⁾. Đây là quan điểm xuất phát từ tư tưởng lấy dân làm gốc của cha ông ta, được Người kế thừa và nâng lên một tầm cao mới: cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử. Do đó, ngoại giao là mặt trận không thể thiếu sự tham gia của nhân dân. Hồ Chí Minh chủ trương đối ngoại theo phương châm “thêm bạn, bớt thù”, tránh đối đầu “không gây thù oán với một ai”, tìm ra những điểm tương đồng, khai thác mọi khả năng nhằm tập hợp lực lượng, hình

thành mặt trận đoàn kết ủng hộ Việt Nam theo nhiều tầng, nhiều nấc.

Như vậy, với Hồ Chí Minh, ngoại giao không chỉ là sự nghiệp của toàn dân, mà còn phải thuyết phục bằng chính nghĩa để nhân dân và bạn bè thế giới ủng hộ, giúp đỡ mình. Năm 1948, khi Việt Nam giành được thắng lợi trên chiến trường, nhưng về ngoại giao, thế giới chưa biết nhiều về cuộc đấu tranh bảo vệ nền độc lập của dân tộc ta, chính Hồ Chí Minh đã chỉ đạo việc tổ chức một đoàn cán bộ để tuyên truyền về cuộc kháng chiến, nhằm tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân thế giới.

Vận dụng tư tưởng ngoại giao của Hồ Chí Minh, tại Đại hội lần thứ II của Đảng, tháng 02/1951, Đảng Lao động Việt Nam nhận thức và đã tự kiểm điểm: “Do chưa nhận thức đầy đủ về tác dụng của ngoại giao nhân dân, ta chưa có kế hoạch tích cực, kiên quyết vượt qua mọi trở lực, để xúc tiến ngoại giao nhân dân”⁽²⁴⁾. Từ đó, Đảng xác định nhiệm vụ phải “phát triển ngoại giao nhân dân rộng rãi”, “cùng cố ngoại giao với Liên Xô, Trung Quốc và các nước dân chủ nhân dân khác, tăng cường việc ngoại giao giữa đoàn thể nhân dân nước ta và các đoàn thể nhân dân thế giới”⁽²⁵⁾. Đây chính là sự phát triển sáng tạo trong nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về vai trò và vị trí của ngoại giao nhân dân, phù hợp với tính chất chính nghĩa của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đặt cơ sở cho hoạt động ngoại giao nhân dân thời kỳ tiếp theo.

Hồ Chí Minh cho rằng, đối ngoại là công việc chung của toàn Đảng, toàn dân, nên mỗi người dân Việt Nam đều có vinh dự và trách nhiệm đại diện cho dân tộc mình trước bạn bè thế giới. Chính Hồ Chí Minh là nhà ngoại giao nhân dân tiêu biểu với phong cách ngoại giao “tâm công” độc đáo và là tấm gương mẫu mực vì sự nghiệp giải phóng dân tộc. Hồ Chí Minh đã dùng triết lý phương Đông, kết hợp hài hòa với văn hóa phương Tây để vừa có phương pháp ứng xử mềm dẻo, tinh tế, vừa bảo đảm nguyên tắc, mục tiêu cách mạng, phân hóa được kẻ thù, tấn công vào lòng địch. Song hơn hết, tư tưởng ngoại giao nhân dân Hồ Chí Minh đề cao lòng nhân ái, thái độ chân thành, biết thông cảm, chia sẻ, đã xóa bỏ ranh giới và tranh thủ được

chia sẻ, đã xóa bỏ ranh giới và tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ của nhân dân tại các nước để quốc đang tiến hành chiến tranh ở Việt Nam.

Xuất phát từ tình thần đó, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương: “Mở rộng hơn nữa công tác đối ngoại nhân dân, tăng cường quan hệ song phương và đa phương với các tổ chức và nhân dân các nước, nâng cao hiệu quả hợp tác với các tổ chức phi chính phủ quốc gia và quốc tế, góp phần tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân ta và nhân dân các nước trong khu vực và trên thế giới... Phối hợp chặt chẽ hoạt động ngoại giao của nhà nước, hoạt động đối ngoại của Đảng và hoạt động đối ngoại nhân dân,... làm cho thế giới hiểu rõ hơn đất nước, con người, công cuộc đổi mới của Việt Nam, đường lối chính sách của Đảng và nhà nước ta”⁽²⁶⁾.

Đất nước đang đổi mới và hội nhập toàn diện, hoạt động ngoại giao nhân dân cũng khoác lên mình “chiếc áo” mới. Cũng như đối ngoại của Nhà nước, ngoại giao nhân dân đều được triển khai trên cả bốn mặt trận: ngoại giao chính trị, ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hóa và công tác người Việt Nam ở nước ngoài, góp phần quảng bá hình ảnh, bảo vệ lợi ích của Việt Nam tại các diễn đàn nhân dân khu vực và trên thế giới; vận động nhân dân thế giới ủng hộ nạn nhân chất độc màu da cam; vận động viện trợ phi chính phủ của nước ngoài tăng đáng kể...

Những thành tựu đối ngoại trong thời kỳ đổi mới trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh về ngoại giao nhân dân đã góp phần đưa đất nước “ra khỏi khủng hoảng kinh tế, xã hội, vượt qua được cơn chấn động chính trị và sự hẫng hụt về thị trường do những biến động ở Liên Xô và Đông Âu gây ra; phá được thế bị bao vây, cấm vận, mở rộng được quan hệ đối ngoại và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế”⁽²⁷⁾. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh trong công tác ngoại giao nhân dân, để mỗi người dân đều hiểu rõ vai trò là một “đại sứ” của đất nước nhằm góp phần quảng bá hình ảnh đất nước Việt Nam đổi mới và hội nhập trong lòng bạn bè thế giới.

Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã

nêu rõ vấn đề: Đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước, đối ngoại nhân dân được triển khai đồng bộ và toàn diện. Tiếp tục hoàn thiện và thực thi có hiệu quả cơ chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại⁽²⁸⁾.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về ngoại giao cùng với lý luận của Đảng trên các lĩnh vực quốc tế và đối ngoại hợp thành một chỉnh thể. Tư tưởng Hồ Chí Minh là kim chỉ nam cho hoạt động quốc tế và ngoại giao của Đảng, Nhà nước. Trí tuệ của Đảng, hoạt động thực tiễn phong phú sáng tạo của Đảng và nhân dân Việt Nam làm giàu thêm tư tưởng Hồ Chí Minh. Trên cơ sở những giá trị cơ bản và bài học kinh nghiệm trong hoạt động thực tiễn của Đảng, việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới đã góp phần làm sáng tỏ những nét đặc thù và bản sắc của nền ngoại giao Việt Nam □

(1) và (2) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.562 và 559

(3) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.290

(4), (5), (6), (7), (8) và (9) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.4, *Sđđ*, tr.147, 187, 03, 01, 01 và 03

(10), (12), (25) và (28) Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr 161, 69-70, 67 và 67

(11) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.4, *Sđđ*, tr. 522

(13), (14) và (15) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.1, *Sđđ*, tr. 284, 468 và 295

(16) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.5, *Sđđ*, tr. 256

(17) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, *Sđđ*, tr.113-114

(18), (21) và (22) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.12, *Sđđ*, tr.117, 110 và 117

(19) Phạm Bình Minh (2020), *Ngoại giao Việt Nam: 75 năm đồng hành cùng dân tộc*, Báo Nhân dân điện tử, đường dẫn: <https://nhandan.com.vn/tin-tuc-su-kien/ngoai-giao-viet-nam-75-nam-dong-hanh-cung-dan-toc--614495/>

(20) Phạm Bình Minh (2020), *Đối ngoại Việt Nam 2020: Bản lĩnh và tâm thế mới*, Báo điện tử của Chính phủ Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, đường dẫn: <https://baochinhphu.vn/Tin-noi-bat/Doi-ngoai-Viet-Nam-2020-Ban-linh-va-tam-the-moi/418603.vgp>

(23) Nguyễn Dy Niên, *Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2002, tr.168

(24), (26) và (27) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.157, 157 và 157